

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày 14 - 4- 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Em.
2. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 27/3/2025 và ngày 14/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2024/TLST-DS ngày 12/11/2024 về “Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 12/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS, ngày 27/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Lê Quang T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số C đường C, phường A, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Thị Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số B, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20/02/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngày: Ông Hà Lê Quang T trình bày:

Ngày 24/9/2020 bà Q có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 – Chi nhánh C 1 theo Hợp đồng cầm cố. Tài sản cầm cố 01 xe nhãn hiệu honda loại Wave, biển số xe 66N1-477.44, số khung RLHJA3910LY268101, số máy JA39E1606385, giấy chứng nhận đăng ký số 041934 do Công an huyện T cấp ngày 17/9/2020. Số tiền cầm cố 14.700.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, mục đích

cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân 24/9/2020, ngày thanh toán định kỳ 24, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng. Do nhu cầu kinh doanh bà Q có đơn gửi Công ty xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe, thời hạn mượn xe là 01 tháng từ ngày 24/9/2020 đến ngày 24/10/2020. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản và khách hàng cam kết thực hiện nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe. Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản thì hai bên tiến hành lập hợp đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố tài sản Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền 14.700.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà Q đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà Q trả nợ nhưng vẫn không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty yêu cầu bà Q trả tiền chi phí thẩm định tài sản là 27.048.000 đồng. Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20/02/2025 và tại phiên tòa Công ty cổ phần S Có Ngay thay đổi và tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Đối với Hợp đồng mượn xe ngày 24/9/2020 và tài sản là xe mô tô biển số 66N1-477.44 thì Công ty cổ phần S Có Ngay không có yêu cầu gì.

Nay Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Q trả số tiền gốc 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/4/2025: 1.967.350 đồng, lãi suất quá hạn 10.486.245 đồng, tổng cộng 27.153.595 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị Q: Không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, đương sự trình bày đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Hội đồng xét xử xem xét, khẳng định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác và cam kết lời khai hoàn toàn đúng sự thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Q vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Q là phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu trả tiền cầm cố đối với bị đơn bà Q nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Q có địa tại: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải

quyết là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 24/9/2020 bà Q có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 – Cao Lãnh 1 theo Hợp đồng cầm cố ký ngày 24/9/2020 đối với tài sản cầm cố là 01 xe nhãn hiệu honda loại Wave, biển số xe 66N1-477.44, số khung RLHJA3910LY268101, số máy JA39E1606385, giấy chứng nhận đăng ký số 041934 do Công an huyện T cấp ngày 17/9/2020 với số tiền cầm cố 14.700.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân 24/9/2020, ngày thanh toán định kỳ 24, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng.

[3.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố ngày 24/9/2020: Tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 24/9/2020.

[3.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố: Ngày 24/9/2020 Công ty có giải ngân cho bà Q nhận số tiền 14.700.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên việc Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bà Q phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc 14.700.000 đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[3.3] Xét, yêu cầu về tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 24/9/2020, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo Hợp đồng cầm cố là có căn cứ phù hợp nên chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/4/2025: 1.967.350 đồng, lãi suất quá hạn 10.486.245 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với Hợp đồng cầm cố ký ngày 24/9/2020 và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[3.4] Đối với giấy mượn xe: Ngày 24/9/2020 bà Q ký giấy mượn xe 01 xe nhãn hiệu honda loại Wave, biển số xe 66N1-477.44, số khung RLHJA3910LY268101, số máy JA39E1606385, Giấy chứng nhận đăng ký số 041934 do Công an huyện T cấp ngày 17/9/2020. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty không yêu cầu gì đối với giấy mượn xe và không yêu cầu trả lại tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 66N1-477.44 nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét. Nếu có yêu cầu sẽ được xem xét bằng vụ án khác.

[3.5] Trong quá trình giải quyết vụ án: Công ty yêu cầu bà Q trả tiền chi phí thẩm định tài sản là 27.048.000 đồng. Tại phiên tòa, Công ty cổ phần S Có Ngay thay đổi và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này. Xét thấy, việc nguyên đơn

thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Q phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền gốc 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/4/2025: 1.967.350 đồng, lãi suất quá hạn 10.486.245 đồng, tổng cộng 27.153.595 đồng và buộc bà Q phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố ngày 24/9/2020 kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[5] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, thông báo công khai tài liệu, chứng cứ và đã thông báo cho bà Q cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn cũng như văn bản trình bày ý kiến. Nhưng bà Q không có văn bản trình bày ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Q đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 72, 91, 147, 186, 188, 189, 190, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117, 280, 309, 310 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc bà Lê Thị Q có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền gốc 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/4/2025: 1.967.350 đồng, lãi suất quá hạn: 10.486.245 đồng, tổng cộng 27.153.595 đồng (Hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Q còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số: CLM200901030NA20X ngày 24/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với yêu cầu bà Lê Thị Q trả tiền chi phí thẩm định tài sản là 27.048.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Lê Thị Q phải chịu 1.357.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.322.000 đồng (Một triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014932 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

Lê Hùng Cường